

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/DS-ST

Ngày: 17-8-2020

Về việc “*Tranh chấp Đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhân.

Ông Lê Văn Nhiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Tuấn K, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Đinh D, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Ông K, bà T xin vắng mặt; ông D, bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Đỗ Tuấn K, bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ vụ án, ông K và bà T thống nhất trình bày:

Ngày 16/9/2016, ông D và bà X vay 5.000.000 đồng, thời gian trả nợ là ba tháng, lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận do ông D và bà X ký tên.

Ngày 19/9/2016, ông D và bà X vay 10.000.000 đồng, thời gian trả nợ là bốn mươi ngày, lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận do ông D và bà X ký tên.

Ngày 12/02/2017, ông D và bà X vay 1.500.000 đồng, thời gian trả nợ là ba ngày, không thỏa thuận lãi suất, có làm biên nhận do ông D và bà X ký tên.

Ngày 15/9/2016, ông D và bà X vay 1.500.000 đồng, không có ghi thời gian trả, không thỏa thuận lãi suất, có làm biên nhận do ông D và bà X ký tên.

Do thời gian đã lâu ông D và bà X không trả nợ và lãi nên ông K và bà T khởi kiện yêu cầu ông D và bà X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà tổng cộng vốn gốc là 18.000.000 đồng và lãi là 5.067.150 đồng. Trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ông K và bà X khởi kiện vụ án Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tính lãi nhưng do thời hiệu khởi kiện đã hết nên ông K và bà T chỉ đòi lại vốn vay gốc và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, ông K và bà T không có trình bày gì khác.

Bị đơn ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X có hộ khẩu thường trú ở ấp T, xã T, huyện G, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Bị đơn ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng nhưng ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, ông Đinh Tuấn K và bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2020 và khởi kiện bổ sung ngày 07/4/2020 thì ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X trả tiền vốn vay bằng 18.000.000 đồng, ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T yêu cầu tính lãi là 5.067.150 đồng nên Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Quá trình giải quyết đến ngày 12/6/2020, tại phiên hòa giải ông K (bà T có đơn thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông K tại Tòa án) có thay đổi yêu cầu không tính lãi suất và đòi lại tài sản do đó Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu đòi với số tiền vốn bằng 18.000.000 đồng, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

[3] *Về nội dung*: Ông K và bà T yêu cầu ông D và bà X có nghĩa vụ liên đới trả 18.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần niêm yết Giấy triệu tập, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ mà ông K và bà T giao nộp cho Tòa án cho ông D và bà X biết, nhưng ông D và bà X vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông K và bà T. Đồng thời, ông K và bà T có cung cấp bản chính các Giấy tay vay tiền ngày 12/02/2017, 15/9/2016; các Giấy mượn tiền ngày 16/9/2016, ngày 19/9/2016 có ông D và bà X ký xác nhận và ghi rõ họ tên, trong các biên nhận thì có nội dung để chứng minh bà X và ông D là vợ chồng “*Tôi Nguyễn Thị X có đồng ý cùng với chồng mượn của....*” cho yêu cầu của ông K và bà T. Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ ông D và bà X đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của ông K và bà T. Do đó, ông K và bà T khởi kiện yêu cầu ông D và bà X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Ông K và bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thời hạn trả nợ: Ông K và bà T yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T được chấp nhận nên ông D và bà X phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 166 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*). Trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ông Đinh D và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên đới nộp 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 539.178 đồng theo biên lai thu tiền số 0016377 ngày 03/3/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016442 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh